**ĐOÀN LUẬT SƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 **\*\*\***

*Đà Nẵng, ngày 15 tháng 10 năm 2019*

# **NỘI QUY**

**ĐOÀN LUẬT SƯ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**PHẦN MỞ ĐẦU**

Ðoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của Luật sư, có chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Luật sư, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, giám sát việc tuân theo pháp luật, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam, thực hiện chế độ tự quản theo quy định của Luật Luật sư trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Ðoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng là thành viên Liên đoàn Luật sư Việt Nam; có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Ðoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng có nhiệm vụ, quyền hạn, được tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Luật sư, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Nội quy này.

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng**

1. Nội quy này điều chỉnh các quan hệ nội bộ về tổ chức và hoạt động của Ðoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng.
2. Luật sư thành viên, người tập sự hành nghề luật sư, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, đoàn thể của Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng có nghĩa vụ tuân thủ Nội quy này.
3. Những nội dung về tổ chức và hoạt động của Ðoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng không được quy định tại Nội quy này thì thực hiện theo quy định tại Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Luật Luật sư và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Nội quy này, các từ ngữ, thuật ngữ, viết tắt dưới đây, trừ khi được định nghĩa tại các điều khoản cụ thể có liên quan, sẽ được hiểu như sau:

1. *Điều lệ* là Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam được Đại hội đại biểu Luật sư toàn quốc lần thứ II thông qua tại phiên họp ngày 19/4/2015 và được Bộ Tư pháp phê duyệt, có hiệu lực từ ngày 28/8/2015.
2. *Ðoàn Luật sư* là từ viết tắt của Ðoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng.
3. *Đơn vị chuyên môn, trực thuộc* bao gồm Văn phòng Ðoàn Luật sư, các Ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc khác của Ðoàn Luật sư.
4. *HÐKTKL* là từ viết tắt của Hội đồng Khen thưởng – Kỷ luật.
5. *Hội nghị Luật sư* là Hội nghị Luật sư hàng năm của Ðoàn Luật sư được tổ chức theo hình thức Hội nghị toàn thể theo quy định của Điều lệ và Điều 12 của Nội quy này.
6. *Liên đoàn* là từ viết tắt của Liên đoàn Luật sư Việt Nam.
7. *Luật Luật sư* là Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 16 tháng 5 năm 2006, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012.
8. *Luật sư thành viên* là người có Chứng chỉ hành nghề Luật sư, có đủ điều kiện theo quy định của Luật Luật sư, nộp hồ sơ gia nhập Ðoàn Luật sư, được gia nhập Ðoàn Luật sư theo quyết định của Ban Chủ nhiệm và được Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp Thẻ Luật sư.
9. *Người tập sự hành nghề Luật sư* (gọi tắt là người tập sự) là người có đủ điều kiện theo quy định của Luật Luật sư, được một tổ chức hành nghề Luật sư có trụ sở chính tại thành phố Đà Nẵng nhận tập sự và phân công Luật sư có đủ điều kiện hướng dẫn tập sự, nộp hồ sơ đăng ký tập sự cho Ðoàn Luật sư và được đăng ký tập sự theo quyết định của Ban chủ nhiệm.

1l. *Quy tắc* là từ viết tắt của Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp Luật sư Việt Nam, được ban hành kèm theo Quyết định số 68/QÐ-HÐLSTQ ngày 20 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng Luật sư toàn quốc .

12. *Tổ chức hành nghề Luật sư* bao gồm tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, Chi nhánh, Văn phòng giao dịch tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam, chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.

**Điều 3. Tên gọi, trụ sở**

1. Tên gọi đầy đủ : **ĐOÀN LUẬT SƯ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**
2. Tên giao dịch tiếng Anh : **DANANG BAR ASSOCIATION (DBA);**
3. Cổng thông tin điện tử : …………………..…………………………….
4. Trụ sở của Ðoàn Luật sư đặt tại : số 91 đường Yên Bái, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**Chương II**

**LUẬT SƯ THÀNH VIÊN, NGƯỜI TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ,**

**TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ**

**Điều 4. Tư cách Luật sư thành viên Ðoàn Luật sư**

1. Tư cách Luật sư thành viên Ðoàn Luật sư được công nhận kể từ ngày có quyết định gia nhập Ðoàn Luật sư, chấm dứt khi bị xóa tên hoặc rút tên khỏi danh sách Luật sư thành viên Ðoàn Luật sư theo quyết định của Ban Chủ nhiệm.
2. Ban Chủ nhiệm tổ chức thực hiện và quyết định việc gia nhập, rút tên và xóa tên khỏi danh sách Luật sư thành viên của Ðoàn Luật sư theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Luật sư, Điều lệ và Nội quy này.
3. Quyền và nghĩa vụ của luật sư thành viên :
4. Nộp phí thành viên đầy đủ, đúng hạn;
5. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của luật sư theo quy định của pháp luật về luật sư, Điều lệ, Quy tắc;
6. Tham gia đầy đủ các hoạt động do Đoàn Luật sư tổ chức;
7. Có quyền và nghĩa vụ cung cấp, cập nhật các thông tin cá nhân và chịu trách nhiệm về các thông tin do mình cung cấp; đảm bảo sự liên lạc thường xuyên với Văn phòng Đoàn.

**Điều 5. Danh sách Luật sư thành viên**

1. Luật sư thành viên Ðoàn Luật sư được ghi tên vào danh sách Luật sư thành viên được lập và lưu giữ tại trụ sở Ðoàn Luật sư. Ban Chủ nhiệm quy định về hình thức, nội dung và cách thức công bố danh sách Luật sư thành viên Ðoàn Luật sư.
2. Luật sư thành viên Ðoàn Luật sư có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Ðoàn Luật sư thông tin hoặc việc thay đổi thông tin về địa chỉ nơi cư trú, số điện thoại và địa chỉ hộp thư điện tử của Luật sư, tên và địa chỉ trụ sở tổ chức hành nghề Luật sư, cơ quan hoặc tổ chức nơi làm việc của Luật sư trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi có thông tin hoặc thay đổi thông tin để Ðoàn Luật sư cập nhật vào danh sách Luật sư thành viên Ðoàn Luật sư .

**Ðiều 6. Phí gia nhập Ðoàn Luật sư và phí thành viên**

1. Khi gia nhập Ðoàn Luật sư, người được gia nhập Ðoàn Luật sư phải nộp một lần phí gia nhập cho Ðoàn Luật sư. Mức phí gia nhập và các trường hợp được miễn, giảm phí thực hiện theo quy định tại Nghị quyết Hội nghị Luật sư hoặc Nghị quyết Đại hội Luật sư.
2. Luật sư thành viên nộp phí thành viên cho Ðoàn Luật sư. Mức phí thành viên và các trường hợp được miễn, giảm phí thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng Luật sư toàn quốc .
3. Phí thành viên được tính kể từ ngày gia nhập Ðoàn Luật sư. Phí thành viên được nộp hàng tháng hoặc hàng quý. Có thể nộp trước nhiều tháng, nhiều quý trong năm hoặc cả năm.
4. Phí gia nhập và phí thành viên được nộp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản ngân hàng vào tài khoản của Đoàn Luật sư.
5. Luật sư thành viên không nộp phí thành viên trong thời hạn quy định tại Khoản 3 Điều này thì bị xem là chậm nộp phí thành viên. Luật sư thành viên chậm nộp phí thành viên từ mười tám (18) tháng trở lên thì đương nhiên bị xóa tên khỏi danh sách Luật sư thành viên của Ðoàn Luật sư theo quyết định của Ban Chủ nhiệm.

**Điều 7. Tư cách người tập sự hành nghề Luật sư**

l. Tư cách người tập sự hành nghề Luật sư (người tập sự) của Ðoàn Luật sư được công nhận kể từ ngày Ban Chủ nhiệm ra quyết định về việc đăng ký tập sự hành nghề Luật sư cho đến khi hoàn thành thời gian tập sự theo quy định được Ban Chủ nhiệm xác nhận, trừ trường hợp chấm dứt tập sự hoặc rút tên khỏi danh sách người tập sự của Ðoàn Luật sư .

1. Ban Chủ nhiệm tổ chức thực hiện và quyết định việc đăng ký tập sự, đăng ký thay đổi tổ chức hành nghề Luật sư nhận tập sự, thay đổi Luật sư hướng dẫn, xác nhận hoàn thành thời gian tập sự, tạm ngừng tập sự, chấm dứt tập sự và rút tên khỏi danh sách người tập sự của Ðoàn Luật sư theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Luật sư, hướng dẫn của Liên đoàn và Nội quy này.
2. Người tập sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về Luật sư, hướng dẫn của Liên đoàn và Nội quy này.
3. Người tập sự phải xác định rõ danh xưng của mình là người tập sự hành nghề Luật sư; không được sử dụng danh xưng Luật sư hoặc có hành vi gây nhầm lẫn người tập sự có tư cách Luật sư trong quan hệ với cá nhân, cơ quan, tổ chức khi thực hiện các công việc có liên quan đến hoạt động hành nghề Luật sư.

**Điều 8. Danh sách người tập sự hành nghề Luật sư**

1. Người tập sự được ghi tên vào danh sách người tập sự của Ðoàn Luật sư được lập theo từng đợt và lưu giữ tại trụ sở Ðoàn Luật sư. Ban Chủ nhiệm quy định về hình thức, nội dung danh sách người tập sự của Ðoàn Luật sư .
2. Người tập sự có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Ðoàn Luật sư thông tin hoặc việc thay đổi thông tin về địa chỉ nơi cư trú, số điện thoại và địa chỉ hộp thư điện tử của người tập sự trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi có thông tin hoặc thay đổi thông tin để Ðoàn Luật sư cập nhật vào danh sách người tập sự của Ðoàn Luật sư .

**Điều 9. Phí đăng ký tập sự hành nghề Luật sư**

l. Khi đăng ký tập sự hành nghề Luật sư, người tập sự nộp một lần phí đăng ký tập sự hành nghề Luật sư cho Ðoàn Luật sư. Mức phí và các trường hợp được miễn, giảm phí thực hiện theo quy định tại Nghị quyết Hội nghị Luật sư hoặc Nghị quyết Đại hội Luật sư .

2. Phí đăng ký tập sự hành nghề Luật sư được nộp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản ngân hàng vào tài khoản của Đoàn Luật sư.

**Ðiều 10. Quan hệ của Ðoàn Luật sư với tổ chức hành nghề Luật sư**

1. Ðoàn Luật sư thông qua luật sư thành viên là Trưởng tổ chức hành nghề luật sư thực hiện chế độ tự quản, giám sát việc tuân thủ pháp luật và Quy tắc đạo đức nghề nghiệp của luật sư thành viên. Luật sư thành viên là Trưởng tổ chức hành nghề luật sư có trách nhiệm giúp Đoàn Luật sư giám sát việc tuân theo pháp luật và Quy tắc đạo đức nghề nghiệp của luật sư trong tổ chức hành nghề của mình.

1. Luật sư thành viên là Trưởng tổ chức hành nghề luật sư có nghĩa vụ thực hiện chế độ báo cáo hoạt động hành nghề của tổ chức mình theo đúng quy định của Luật Luật sư và Điều lệ Liên đoàn Luật sư.

**Chương III**

**CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐOÀN LUẬT SƯ**

 **Điều 11. Đại hội Luật sư**

1. Đại hội Luật sư được tổ chức theo hình thức Đại hội toàn thể luật sư; là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn Luật sư. Đại hội Luật sư được tổ chức theo nhiệm kỳ năm (5) năm một lần hoặc được triệu tập bất thường theo quyết định của Ban Chủ nhiệm để quyết định những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Đại hội Luật sư.
2. Căn cứ tiêu chuẩn đại biểu quy định tại Điều lệ, Ban Chủ nhiệm quyết định về thành phần và số lượng đại biểu; thủ tục đăng ký, lập danh sách và triệu tập đại biểu tham dự Đại hội Luật sư theo quy định tại điều 19 Điều lệ Liên đoàn Luật sư.
3. Đại biểu được triệu tập có trách nhiệm tham dự Đại hội. Trong trường hợp không tham dự mà không có lý do chính đáng và không thông báo trước, đại biểu được xem là từ bỏ tư cách đại biểu ở lần triệu tập tiếp theo của Đại hội nếu Đại hội chưa được tổ chức vì lý do không đủ số lượng đại biểu tham dự theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Điều lệ Liên đoàn Luật sư.

**Điều 12. Hội nghị Luật sư**

1. Hội nghị Luật sư được tổ chức theo hình thức Hội nghị toàn thể luật sư; được tổ chức thường niên vào cuối năm hoặc chậm nhất là quý một (1) của năm tiếp theo để thông qua báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính năm, đề ra phương hướng nhiệm vụ năm tới của Đoàn Luật sư; thảo luận, thông qua việc điều chỉnh phí gia nhập Đoàn Luật sư, phí tập sự hành nghề luật sư và các vấn đề khác không thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội Luật sư.
2. Căn cứ quy định của Điều lệ, Ban Chủ nhiệm quyết định về thời gian, nội dung và chương trình; thành phần và số lượng đại biểu; thủ tục đăng ký, lập danh sách và triệu tập đại biểu tham dự Hội nghị Luật sư theo điều 23 Điều lệ Liên đoàn Luật sư.
3. Đại biểu được triệu tập có trách nhiệm tham dự Hội nghị Luật sư. Trong trường hợp không tham dự thì phải có lý do chính đáng và phải thông báo cho Ban Chủ nhiệm Ðoàn Luật sư bằng văn bản chậm nhất một (1) ngày trước ngày tổ chức Hội nghị Luật sư.
4. Hội nghị Luật sư hợp lệ khi có trên một phần hai (1/2) số luật sư được triệu tập có mặt. Quyết định của Hội nghị Luật sư của Đoàn Luật sư được thông qua khi có trên một phần hai (1/2) số luật sư có mặt tại Hội nghị biểu quyết tán thành.
5. Trong trường hợp Hội nghị Luật sư không có đủ số lượng đại biểu được triệu tập tham dự theo quy định tại Điều lệ để Hội nghị Luật sư hợp lệ thì Ban Chủ nhiệm quyết định việc triệu tập Hội nghị Luật sư lần thứ hai. Hội nghị Luật sư triệu tập lần thứ hai hợp lệ không phụ thuộc vào số lượng đại biểu tham dự.

**Điều 13. Ban Chủ nhiệm**

1. Ban Chủ nhiệm là cơ quan chấp hành của Đại hội Luật sư, do Đại hội Đoàn Luật sư nhiệm kỳ bầu ra để đại diện cho Đoàn Luật sư trong các quan hệ đối nội và đối ngoại, điều hành hoạt động của Đoàn Luật sư và tổ chức triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội luật sư, Hội nghị Luật sư và các Nghị quyết, quyết định của Liên đoàn Luật sư Việt Nam.
2. Số lượng thành viên Ban Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm do Đại hội Luật sư quyết định theo đề xuất của Ban Chủ nhiệm đương nhiệm. Số lượng ứng cử viên phải đảm bảo có số dư tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) so với số lượng cần bầu.
3. Chủ nhiệm Đoàn Luật sư do Đại hội Luật sư bầu ra trong số các luật sư đã được Đại hội bầu vào Ban Chủ nhiệm. Nhiệm kỳ của Chủ nhiệm Đoàn Luật sư trùng với nhiệm kỳ của Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư. Một luật sư chỉ được bầu làm Chủ nhiệm Đoàn Luật sư nhiều nhất ba (03) nhiệm kỳ liên tiếp.
4. Thể thức bầu và quy trình đề cử, ứng cử, lập danh sách ứng cử viên và các vấn đề chi tiết khác liên quan đến bầu Chủ nhiệm Đoàn Luật sư được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Điều lệ Liên đoàn Luật sư.

**Điều 14. Nguyên tắc làm việc của Ban Chủ nhiệm**

1. Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư họp ít nhất một (01) lần trong một (01) tháng và có thể họp bất thường để quyết định những công việc đột xuất thuộc thẩm quyền của Ban Chủ nhiệm theo quyết định của Chủ nhiệm hoặc đề nghị của ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Chủ nhiệm. Cuộc họp Ban Chủ nhiệm do Chủ nhiệm Đoàn Luật sư triệu tập.

2. Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Cuộc họp Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư hợp lệ nếu có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Chủ nhiệm tham dự. Quyết định của Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư được thông qua khi có trên một phần hai (1/2) số thành viên Ban Chủ nhiệm có mặt tại cuộc họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp biểu quyết có số phiếu bằng nhau thì vấn đề được quyết định theo ý kiến của bên có phiếu của Chủ nhiệm hoặc của Phó Chủ nhiệm chủ trì cuộc họp Ban Chủ nhiệm.

**Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chủ nhiệm**

* + - 1. Cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận tập sự hành nghề luật sư và quản lý tập sự hành nghề luật sư theo quy định của pháp luật; đăng ký gia nhập và tổ chức kết nạp luật sư; chuyển, tiếp nhận luật sư từ Đoàn Luật sư khác; nhận hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư và gửi Sở Tư pháp; đề nghị Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư; đề nghị Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp, đổi, thu hồi Thẻ luật sư;
			2. Giám sát luật sư là thành viên, luật sư hành nghề trong tổ chức hành nghề và chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư tại địa phương trong việc tuân thủ pháp luật, tuân theo Điều lệ Liên đoàn, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của luật sư;
			3. Giám sát hoạt động của các tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh, văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư; yêu cầu tổ chức hành nghề luật sư chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý; quyết định hoặc đề nghị khen thưởng đối với tổ chức hành nghề luật sư;
			4. Phân công tổ chức hành nghề luật sư cử luật sư bào chữa trong các vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng;
			5. Tổ chức bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn nghiệp vụ, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp cho luật sư theo hướng dẫn của Liên đoàn Luật sư Việt Nam; tổ chức bồi dưỡng theo nhu cầu về nghiệp vụ chuyên môn, về kỹ năng quản trị, điều hành tổ chức hành nghề luật sư;
			6. Hoà giải tranh chấp có liên quan đến hành nghề giữa luật sư với luật sư, giữa luật sư với tổ chức hành nghề luật sư; giữa các tổ chức hành nghề luật sư với nhau; giữa khách hàng với luật sư; giữa khách hàng với tổ chức hành nghề luật sư;
			7. Xem xét và quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với luật sư;
			8. Tổ chức tổng kết, trao đổi kinh nghiệm, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn và thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho luật sư;
			9. Tổ chức lấy ý kiến và tập hợp ý kiến đóng góp của luật sư trong việc xây dựng chính sách, pháp luật;
			10. Tổ chức, phân công luật sư của Đoàn Luật sư tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý;
			11. Tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
			12. Báo cáo Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về tổ chức, hoạt động của Đoàn Luật sư và chất lượng đội ngũ luật sư của Đoàn theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
			13. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Liên đoàn Luật sư.

**Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ nhiệm**

1. Đại diện và chịu trách nhiệm chung về mọi mặt hoạt động của Đoàn Luật sư; chịu trách nhiệm về tổ chức nhân sự, điều hành hoạt động của Văn phòng Đoàn;
2. Phân công và điều hành hoạt động của Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư trong việc tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội luật sư và trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn Luật sư;
3. Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư; ký các nghị quyết, quyết định của Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư sau khi đã được Ban Chủ nhiệm thông qua;
4. Dự các cuộc họp của Hội đồng Khen thưởng - Kỷ luật khi cần thiết;
5. Thay mặt Ban Chủ nhiệm quyết định việc chi tiêu tài chính của Đoàn Luật sư theo Quy chế tài chính và Nghị quyết của Ban Chủ nhiệm;
6. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Liên đoàn Luật sư và do Đại hội luật sư giao.

**Điều 17. Phó Chủ nhiệm, Uỷ viên Ban Chủ nhiệm**

1. Phó Chủ nhiệm Đoàn Luật sư do Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư bầu ra trong số thành viên của Ban Chủ nhiệm.

 2. Phó Chủ nhiệm và các Ủy viên Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư phụ trách các lĩnh vực công tác theo sự phân công của Ban Chủ nhiệm và chịu trách nhiệm trước Chủ nhiệm và Ban Chủ nhiệm về các lĩnh vực công tác được giao.

3. Trong trường hợp Chủ nhiệm Đoàn Luật sư tạm thời không thực hiện được nhiệm vụ quyền hạn của mình vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác thì Ban Chủ nhiệm cử một Phó Chủ nhiệm tạm thời thay thế Chủ nhiệm điều hành hoạt động của Ban Chủ nhiệm.

**Điều 18. Hội đồng Khen thưởng - Kỷ luật**

1. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn Luật sư là cơ quan tham mưu của Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư trong công tác khen thưởng, kỷ luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo; do Đại hội Đoàn luật sư bầu ra theo nhiệm kỳ của Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư.

2. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng khen thưởng, kỷ luật do Hội đồng bầu ra trong số các thành viên của Hội đồng. Số lượng thành viên của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật do Đại hội luật sư quyết định.

Thể thức bầu và quy trình đề cử, ứng cử, lập danh sách ứng cử viên và các vấn đề chi tiết khác liên quan đến bầu Hội đồng khen thưởng, kỷ luật được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Điều lệ Liên đoàn Luật sư.

3. Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn Luật sư có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xem xét và đề nghị Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư quyết định các hình thức khen thưởng của Đoàn Luật sư đối với luật sư, các đơn vị của Đoàn Luật sư, các tổ chức hành nghề luật sư; hoặc đề nghị Ban Chủ nhiệm trình Liên đoàn Luật sư Việt Nam, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng luật sư, các đơn vị của Đoàn Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư;

b) Xác minh, xem xét và đề nghị Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư quyết định các hình thức kỷ luật đối với luật sư;

c) Thụ lý, xác minh, xem xét đơn, thư khiếu nại, tố cáo đối với luật sư, các cơ quan, đơn vị của Đoàn Luật sư và đề xuất với Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư về việc giải quyết các đơn, thư đó.

4. Cuộc họp của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên của Hội đồng tham dự.

Hội đồng khen thưởng, kỷ luật làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số; trường hợp số phiếu ngang nhau thì phiếu của Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp là quyết định.

5. Chủ tịch Hội đồng điều hành hoạt động của HĐKTKL, chịu trách nhiệm trước Ban Chủ nhiệm và Đoàn Luật sư về mọi mặt hoạt động của Hội đồng, có nhiệm vụ báo cáo về công tác khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại tố cáo theo sự phân công của Ban Chủ nhiệm. Thay mặt Hội đồng trực tiếp làm việc với Ban Chủ nhiệm, với Văn phòng Đoàn Luật sư để điều hành công việc và xử lý những công việc theo thẩm quyền.

6. Phó Chủ tịch, Uỷ viên Hội đồng thực hiện nhiệm vụ được phân công và báo cáo kết quả thực hiện công việc thuộc lĩnh vực phụ trách trước Hội đồng hoặc Ban Chủ nhiệm.

7. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và thủ tục miễn, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật được áp dụng theo quy định tại các khoản 5, 6 và 7 Điều 21 của Điều lệ Liên đoàn Luật sư.

**Điều 19. Các đơn vị giúp việc của Đoàn Luật sư**

1. Đoàn Luật sư có Văn phòng và các Ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Đoàn Luật sư. Văn phòng Đoàn Luật sư và các Ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc có chức năng tham mưu, giúp Ban Chủ nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ðoàn Luật sư theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Nội quy này.

2. Việc tổ chức Văn phòng Ðoàn Luật sư, các Ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc khác của Ðoàn Luật sư phải bảo đảm phù hợp yêu cầu thực tế của công việc, tinh gọn, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả và không trùng lắp trong hoạt động của các đơn vị.

**Điều 20. Văn phòng Ðoàn Luật sư**

1. Văn phòng Ðoàn Luật sư có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Chủ nhiệm công tác quản lý hành chính về các lĩnh vực sau :

1. Công tác hành chính, văn thư, thống kê, lưu trữ;
2. Công tác thông tin về hoạt động của Ðoàn Luật sư ;
3. Công tác quản trị nhân sự đối với nhân sự làm việc tại Văn phòng theo chế độ hợp đồng lao động;
4. Công tác kế toán, tài chính;
5. Công tác quản lý cơ sở vật chất, tài sản của Ðoàn Luật sư ;
6. Công tác đảm bảo cơ sở vật chất, hậu cần và các điều kiện khác phục vụ cho tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Ðoàn Luật sư ;
7. Công tác phối hợp hoạt động với các cơ quan, đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Ðoàn Luật sư ;
8. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công hoặc uỷ quyền của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm.
9. Văn phòng Ðoàn Luật sư có Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng và chuyên viên, nhân viên phụ trách các công việc cụ thể do Ban Chủ nhiệm quyết định và tuyển dụng theo chế độ hợp đồng lao động.
10. Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn Luật sư phải là luật sư thành viên Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng và do Ban Chủ nhiệm quyết định bổ nhiệm.
11. Ban Chủ nhiệm quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Văn phòng Ðoàn Luật sư .

**Điều 21. Các Ban chuyên môn của Ðoàn Luật sư**

1. Các Ban chuyên môn của Ðoàn Luật sư gồm có:

a) Ban Bảo vệ quyền lợi của Luật sư ;

b) Ban Ðào tạo và Bồi dưỡng ;

c) Các Ban chuyên môn khác theo quyết định của Ban Chủ nhiệm .

1. Ban chuyên môn có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên.
2. Ban Chủ nhiệm quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các Ban chuyên môn; quyết định về việc tách, nhập, bổ sung chức năng và thay đổi tên gọi của các Ban chuyên môn phù hợp với chức năng hoạt động của mỗi Ban.

**Điều 22. Đơn vị trực thuộc khác của Ðoàn Luật sư**

1. Căn cứ yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ðoàn Luật sư, quy định pháp luật, Điều lệ và Nội quy này, Ðoàn Luật sư thành lập các đơn vị trực thuộc khác của Ðoàn Luật sư.

1. Trừ trường hợp có quy định khác, Ban Chủ nhiệm quyết định việc thành lập, tên gọi, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc khác của Ðoàn Luật sư.
2. Việc thành lập các đơn vị trực thuộc của Ðoàn Luật sư có tư cách pháp nhân thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 23. Phąm vi, trách nhiệm, quy trình giải quyết các công việc của Văn phòng Đoàn, các đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Đoàn Luật sư.**

l. Văn phòng Ðoàn Luật sư, các Ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc khác cůa Ðoàn Luật sư hoạt động và giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi đơn vị theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Nội quy, Quy chế tổ chức, hoạt động của mỗi đơn vị do Ban Chủ nhiệm ban hành và theo sự quản lý, chỉ đạo của Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm phụ trách lĩnh vực liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm phụ trách lĩnh vực .

2. Quy trình, thủ tục giải quyết công việc trong nội bộ Văn phòng Đoàn Luật sư, các Ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc khác của Đoàn Luật sư được thực hiện theo các Quy chế, quy định và hướng dẫn có liên quan do Ban Chủ nhiệm ban hành.

**Điều 24. Quản lý và sử dụng con dấu của Đoàn Luật sư**

l. Con dấu Ðoàn Luật sư thể hiện vị trí pháp lý của Ðoàn Luật sư và khẳng định giá trị pháp lý đối với các văn bản của Ðoàn Luật sư.

1. Con dấu được giữ và bảo quản tại trụ sở Ðoàn Luật sư. Trường hợp cần thiết phải đem con dấu ra bên ngoài trụ sở Ðoàn Luật sư phải được sự đồng ý của Chủ nhiệm và người có trách nhiệm quản lý con dấu.
2. Chỉ những văn bản của Ðoàn Luật sư được Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm ký ban hành, người được Chủ nhiệm uỷ quyền thừa lệnh ký ban hành mới được dóng dấu Ðoàn Luật sư.
3. Căn cứ quy định pháp luật có liên quan và Nội quy này, Ban Chủ nhiệm ban hành quy chế quản lý và sử dụng con dấu Ðoàn Luật sư .

**Điều 25. Chế độ thông tin**

l. Chủ nhiệm Ðoàn Luật sư là người chịu trách nhiệm về việc phổ biến thông tin, văn bản về tổ chức, hoạt động của Ðoàn Luật sư. Chỉ có Chủ nhiệm hoặc người được Chủ nhiệm uỷ quyền mới có quyền phát ngôn nhân danh Ðoàn Luật sư.

1. Thành viên Ban Chủ nhiệm, thành viên HÐKTKL, cá nhân khác được phân công, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Ðoàn Luật sư có trách nhiệm bảo quản và không tự ý công bố, phát tán các thông tin, tài liệu về tổ chức, hoạt động của Ðoàn Luật sư.
2. Thành viên Ban Chủ nhiệm, thành viên HÐKTKL, cá nhân khác được phân công, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Ðoàn Luật sư khi phát biểu về bất kỳ vấn đề nào ngoài phạm vi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình chỉ dùng danh nghĩa cá nhân, không gắn với chức danh được bầu hoặc được bổ nhiệm.
3. Ðoàn Luật sư lập và duy trì trang thông tin điện tử (website) để cập nhật, phổ biến thông tin, văn bản về hoạt động của Ðoàn Luật sư. Trừ trường hợp có quy định khác, việc công bố, thông báo thông tin, văn bản của Ðoàn Luật sư đến Luật sư thành viên, người tập sự, tổ chức hành nghề Luật sư được thực hiện trên trang thông tin điện tử (website) của Ðoàn Luật sư.

**Điều 26. Quan hệ với tổ chức, đoàn thể khác trong Đoàn Luật sư**

1. Đảng bộ Đoàn Luật sư, Công đoàn cơ sở, Hội cựu chiến binh, Chi hội luật gia và các tổ chức đoàn thể khác do Đoàn Luật sư thành lập hoặc công nhận thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và theo điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Đoàn Luật sư tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, đoàn thể này và các thành viên hoạt động.

**CHƯƠNG IV**

**TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA ÐOÀN LUẬT SƯ**

**Điều 27. Chế độ tài chính**

Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự cân đối tài chính bằng nguồn thu từ phí thành viên và các nguồn thu hợp pháp khác.

**Điều 28. Nguyên tắc quản lý tài chính**

1. Công tác quản lý tài chính và sử dụng tài sản được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng định mức và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đạt hiệu quả cao. Đảm bảo đúng quy định của Đoàn Luật sư, phù hợp với Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam và quy định pháp luật.
2. Các khoản chi tài chính đều phải có tờ trình và được Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm hoặc Phó Chủ nhiệm phụ trách tài chính duyệt chi theo thẩm quyền, trừ các khoản chi thường xuyên theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 điều 30 Nội quy này.
3. Các khoản thu, chi đều phải thể hiện trên sổ sách kế toán, phải có đầy đủ chứng từ theo quy định của Đoàn Luật sư. Hàng tháng, bộ phận kế toán phải có biên bản đối chiếu thu, chi và kiểm tra quý tiền mặt, báo cáo Ban Chủ nhiệm.
4. Hệ thống sổ sách kế toán, chứng từ kế toán phải được quản lý chặt chẽ và lưu giữ tại Văn phòng Đoàn Luật sư. Bộ phận kế toán chỉ cung cấp sổ sách kế toán, chứng từ kế toán cho Ban Chủ nhiệm, Tổ kiểm tra tài chính do Đoàn Luật sư thành lập để thực hiện nhiệm vụ chung của Đoàn Luật sư; không được sử dụng số liệu, tài liệu kế toán vào các mục đích khác.
5. Căn cứ Nội quy này và tình hình thực tế hoạt động của Đoàn Luật sư, Ban Chủ nhiệm ban hành Quy chế tài chính để quy định chi tiết các vấn đề có liên quan.
6. Hàng năm, Ban Chủ nhiệm chịu trách nhiệm lập và công khai báo cáo tài chính của Ðoàn Luật sư tại Hội nghị Luật sư.
7. Các luật sư thành viên có quyền thực hiện việc giám sát thu, chi tài chính của Đoàn Luật sư theo quy định.

**Điều 29. Các khoản thu của Ðoàn Luật sư**

1. Nguồn thu chủ yếu, thường xuyên gồm có:

1. Phí thành viên;
2. Phí đăng ký tập sự hành nghề Luật sư ;
3. Phí gia nhập Ðoàn Luật sư .

2. Nguồn thu không thường xuyên gồm có:

1. Các khoản đóng góp tự nguyện của Luật sư, tổ chức hành nghề Luật sư;
2. Các khoản thu từ hoạt động của Ðoàn Luật sư ;
3. Các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước ;
4. Các khoản tài trợ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước ;

d) Các khoản thu hợp pháp khác.

**Điều 30. Các khoản chi của Ðoàn Luật sư**

l . Chi các hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ðoàn Luật sư.

1. Chi tiền lương, tiền công, phụ cấp, các khoản trích nộp theo lương, khen thưởng, phúc lợi tập thể cho người lao động làm việc tại Văn phòng Ðoàn Luật sư .
2. Chi hoạt động thường xuyên của Văn phòng Ðoàn Luật sư, gồm có:
3. Chi dịch vụ công cộng ( điện, nước, vệ sinh môi trường ...);
4. Chi vật tư văn phòng (văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ văn phòng...);
5. Chi thông tin, liên lạc (điện thoại, internet, bưu chính, báo chí...);
6. Chi phí dich vụ thuê ngoài (dịch vụ bảo vệ, dịch vụ khác...);

d) Các khoản chi hoạt động thường xuyên khác.

1. Tiền thuê trụ sở.
2. Chi xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị làm việc; chi bảo trì, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị.
3. Chi tổ chức Đại hội, Hội nghị, Hội thảo, Bồi dưỡng chuyên môn ...
4. Chi công tác phí, chi phí giao dịch, tiếp khách.
5. Chi công tác khen thưởng, chi ngày lễ tết, việc hiếu, hỷ, chi hỗ trợ, thăm hỏi ốm dau, chi hoạt động kỷ niệm, chúc mừng.
6. Chi hỗ trợ hoạt động của các tổ chức, đoàn thể của Ðoàn Luật sư .
7. Các khoản chi hợp lý khác.

**Điều 31. Thẩm quyền duyệt chi tài chính**

Trừ các khoản chi thường xuyên theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 điều 30 Nội quy này, các khoản chi dưới đây phải được duyệt chi :

1. Ban Chủ nhiệm duyệt chi các khoản chi từ 50.000.000 đồng trở lên;
2. Chủ nhiệm duyệt chi các khoản chi không quá 50.000.000 đồng;
3. Phó Chủ nhiệm phụ trách tài chính duyệt chi các khoản chi không quá 20.000.000 đồng.

**Điều 32. Quản lý, sử dụng tài sản của Đoàn Luật sư**

1. Đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý tài sản của Đoàn Luật sư phải có trách nhiệm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí và không gây hư hại; không được tự ý sử dụng tài sản vào việc riêng. Chánh Văn phòng chịu trách nhiệm trước Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm về việc quản lý đối với tài sản, trang thiết bị của Đoàn Luật sư.

2. Đơn vị, cá nhân có nhu cầu sử dụng tài sản, trang thiết bị của Đoàn phục vụ nhiệm vụ được giao thì phải văn bản đề xuất và có sự đồng ý của Chủ nhiệm hoặc Chánh Văn phòng.

3. Ban Chủ nhiệm ban hành quy chế về quản lý, sử dụng tài sản của Đoàn Luật sư để quy định chi tiết các vấn đề có liên quan.

**CHƯƠNG V**

**HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ**

**Điều 33. Thực hiện nghĩa vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ**

Chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho thành viên của Đoàn Luật sư bao gồm các nội dung như : kỹ năng hành nghề, đạo đức nghề nghiệp, kiến thức pháp luật và các lĩnh vực khác có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp của luật sư. Luật sư thành viên có nghĩa vụ tham gia chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật về luật sư, đóng phí theo mức Ban Chủ nhiệm quyết định trên cơ sở khung phí do Liên đoàn Luật sư Việt Nam quy định.

**Điều 34. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu**

1. Đoàn Luật sư khuyến khích các tổ chức, cá nhân có điều kiện và năng lực chuyên môn thực hiện việc bồi dưỡng theo yêu cầu cho luật sư thành viên và các đối tượng khác.
2. Tuỳ vào điều kiện thực tế, Ban Chủ nhiệm có thể xem xét hỗ trợ đối với hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu.

**Chương VI**

## **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT, KHIẾU NẠI TỐ CÁO**

**Điều 35. Hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng**

l. Ðoàn Luật sư khen thưởng bằng hình thức Giấy khen của Ðoàn Luật sư cho các tổ chức, tập thể, cá nhân sau đây :

a) Luật sư, tổ chức hành nghề Luật sư có thành tích trong hoạt động hành nghề Luật sư, có nhiều đóng góp trong hoạt động của Ðoàn Luật sư;

b) Đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Ðoàn Luật sư, người tập sự hành nghề Luật sư, tổ chức, cá nhân khác có nhiều đóng góp trong hoạt động của Ðoàn Luật sư.

2. Việc khen thưởng được thực hiện theo định kỳ (hàng năm, theo nhiệm kỳ của Ðoàn Luật sư) hoặc đột xuất tại thời điểm bất kỳ trong năm .

**Điều 36. Hồ sơ đề nghị khen thưởng**

1 . Hồ sơ đề nghị Ðoàn Luật sư khen thưởng gồm có:

a) Tờ trình đề nghị xét khen thưởng;

b) Bản tóm tắt thành tích của tổ chức, tập thể, cá nhân được đề nghị xét khen thưởng;

c) Các tài liệu có liên quan (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị Ðoàn Luật sư khen thưởng hàng năm được nộp chậm nhất vào ngày 30/11 hàng năm.

**Điều 37. Đề nghị Liên đoàn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng**

Ðoàn Luật sư đề nghị Liên đoàn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng đối với tổ chức, tập thể, cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 32 của Nội quy này theo các quy định về hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn, thủ tục khen thưởng theo pháp luật thi đua, khen thưởng, Điều lệ và các quy định có liên quan của Liên đoàn và Nội quy này.

**Điều 38. Kỷ luật đối với Luật sư, người tập sự**

Ðoàn Luật sư xem xét xử lý kỷ luật đối với Luật sư thành viên, người tập sự của Ðoàn Luật sư vi phạm quy định của pháp luật về Luật sư, Điều lệ, Quy tắc, Nội quy, các quy định của Liên doàn, Ðoàn Luật sư bằng các hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật về Luật sư và Điều lệ Liên đoàn.

Việc xử lý kỷ luật đối với Luật sư thành viên, người tập sự được thực hiện theo quy định về xử lý kỷ luật Luật sư, người tập sự do Liên đoàn Luật sư ban hành và Nội quy này.

 Trong quá trình xem xét xử lý kỷ luật đối với Luật sư thành viên, người tập sự, Ðoàn Luật sư có thể quyết định việc lưu ý, nhắc nhở bằng văn bản đối với Luật sư, người tập sự có vi phạm nhưng chưa đến mức độ áp dụng hình thức kỷ luật.

**Điều 39. Giải quyết khiếu nại, tố cáo**

l. Ðoàn Luật sư tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với Luật sư, người tập sự, tổ chức hành nghề Luật sư, cá nhân giữ các chức danh trong các cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuôc của Ðoàn Luật sư trong phạm vi thẩm quyền và theo thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo của Ðoàn Luật sư quy định tại Luật Luật sư, Điều lệ, quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo do Liên đoàn ban hành và Nội quy này.

2. Ðoàn Luật sư không thụ lý giải quyết khiếu nại, tố cáo về hành vi của người bị khiếu nại, tố cáo không liên quan đến các hoạt động của Ðoàn Luật sư, hoạt động hành nghề Luật sư hoặc hoạt động tập sự hành nghề Luật sư.

**CHƯƠNG VII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 40. Hiệu lực thi hành**

l . Nội quy này gồm 7 chương 41 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội Luật sư của Ðoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng thông qua và được Chủ nhiệm Đoàn Luật sư ký ban hành.

2. Ban Chủ nhiệm có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nội quy này.

**Điều 41. Sửa đổi, bổ sung Nội quy**

l . Chỉ có Đại hội Luật sư mới có quyền sửa đổi, bổ sung Nội quy này. Việc sửa đổi, bổ sung Nội quy này được thông qua khi có trên một phần hai (1/2) số đại biểu có mặt tại Đại hội Luật sư biểu quyết tán thành.

2. Trường hợp có sự thay đổi của pháp luật hoặc Điều lệ làm cho Nội quy này trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ thì phải tiến hành sửa đổi Nội quy cho phù hợp. Trong thời gian chưa sửa đổi Nội quy thì đương nhiên thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ.

Nội quy này đã được Đại hội toàn thể Ðoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng thông qua với 100% đại biểu tham gia tán thành vào ngày 15 tháng 10 năm 2019./.

 **TM.ĐOÀN CHỦ TỊCH**

 **CHỦ TỊCH**

 **Luật sư Trần Cảnh Nhứt**